

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2018/HNGĐ-PT
Ngày 08-5-2018
V/v ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Đức Tuyên

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Thu Thủy

Ông Lương Ngọc Dũng

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh B - Kiểm sát viên.

Trong ngày 08 tháng 5 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 32/2017/TLPT-HNGĐ ngày 04 tháng 12 năm 2017 về tranh chấp ly hôn.

Do Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 27/2017/HNGĐ-ST ngày 25 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân quận Hồng Bàng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 427/2018/QĐ-PT ngày 02 tháng 3 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 860/2018/QĐ-PT ngày 26 tháng 4 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Trần Thanh B; nơi ĐKKHKT: Số nhà A đường B, phường C, quận HB, thành phố Hải Phòng; nơi tạm trú: phường C, quận HB, thành phố Hải Phòng. Vắng mặt có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Bà Trần Thị TL, Luật sư Công ty Luật TNHH B; nơi cư trú: phường TH, quận H, thành phố Hải Phòng. Có mặt.

- Bị đơn: Chị Phạm Thị Thu H; nơi cư trú: Số nhà A đường B, phường C, quận HB, thành phố Hải Phòng Có mặt.

Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của bị đơn: Ông Lê Đình G, ông Nguyễn Tuấn D - Luật sư Văn phòng Luật sư T thuộc Đoàn Luật sư thành phố Hà Nội; địa chỉ: , phường TĐ, quận TX, thành phố Hà Nội. Ông G và ông D có mặt.

- Người kháng cáo: Chị Phạm Thị Thu H là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các bản tự khai và tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn anh Trần Thanh B trình bày:

Anh Trần Thanh B và chị Phạm Thị Thu H kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 23 tháng 4 năm 1998 tại Ủy ban nhân dân phường C, quận HB, thành phố Hải Phòng. Trong quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do tính cách và quan điểm sống không hợp nhau, vợ chồng thường xuyên cãi nhau nên không khí gia đình luôn nặng nề, làm ảnh hưởng đến học tập của con cái, gia đình hai bên đã nhiều lần hòa giải nhưng không thành, vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2015 đến nay. Nay anh B xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên anh B đề nghị Tòa án giải quyết cho anh và chị H được ly hôn.

Về con chung: Anh B và chị H có 02 con chung là Trần Thanh T, sinh ngày 16 tháng 8 năm 1998 và Trần Duy K sinh ngày 31 tháng 10 năm 2003, ly hôn anh B đồng ý để chị H được trực tiếp nuôi cháu Trần Duy K, việc cấp dưỡng nuôi con chung anh và chị H tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Con chung Trần Thanh T đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Anh B không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn chị Trần Thị Thu H trình bày về điều kiện kết hôn, thời gian kết hôn và con chung như anh B trình bày. Chị H cũng xác định trong quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nhưng không lớn, chị H nghi ngờ anh B có mối quan hệ ngoại tình với người phụ nữ khác nên không còn tình cảm với chị. Chị đề nghị Tòa án hòa giải cho vợ chồng được đoàn tụ với nhau để nuôi dạy con cái.

Về tài sản chung: Trong quá trình giải quyết tại cấp sơ thẩm chị H có ý kiến đề nghị được tự phân chia tài sản chung vợ chồng, tại phiên tòa sơ thẩm chị H đề nghị tòa án xem xét giúp vợ chồng phân chia tài sản chung của vợ chồng.

Với nội dung trên, tại Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 27/2017/HNGĐ-ST ngày 25 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân quận Hồng Bàng căn cứ các điều 51, 56, 58, 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

- Về quan hệ vợ chồng: Anh Trần Thanh B được ly hôn chị Phạm Thị Thu H.

- Về con chung: Giao con chung Trần Duy K, sinh ngày 31 tháng 10 năm 2003 cho chị Phạm Thị Thu H trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật, khoản tiền cấp dưỡng nuôi con chung sau khi ly hôn do chị H và anh B tự thỏa thuận và tự giao nhận cho nhau không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và tuyên quyền kháng cáo đối với các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 04 tháng 10 năm 2017 chị Phạm Thị Thu H có đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xét xử không chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Trần Thanh B đồng thời yêu cầu giải quyết về tài sản chung.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Chị Phạm Thị Thu H có mặt giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử bác đơn ly hôn của anh B để anh B quay về đoàn tụ gia đình, nuôi dạy con cái.

Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của chị H đề nghị Hội đồng xét xử hủy bản án sơ thẩm với các lý do: Trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm, và tại phiên tòa sơ thẩm, khi biết không thể níu giữ, đoàn tụ được hôn nhân chị H đã yêu cầu chia tài sản chung vợ chồng nhưng Hội đồng xét xử sơ thẩm đã không giải quyết là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng làm ảnh hưởng đến quyền lợi ích hợp pháp của chị H. Trong thời kỳ hôn nhân với chị H, anh B đã có quan hệ ngoại tình với người phụ nữ khác là vi phạm chế độ hôn nhân một vợ, một chồng nhưng Tòa án vẫn giải quyết cho anh B được ly hôn làm ảnh hưởng đến các quyền được pháp luật bảo vệ.

Anh Trần Thanh B vắng mặt có đơn trình bày không đồng ý yêu cầu kháng cáo của chị H vì mâu thuẫn vợ chồng đã phát sinh từ lâu, đến nay tình cảm vợ chồng không còn, nên anh B đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết cho vợ chồng anh chị được ly hôn.

Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của anh B đồng ý với quan điểm của anh B, việc chị H trình bày anh B có quan hệ ngoại tình với người phụ nữ khác là

không có căn cứ, về tài sản chung của vợ chồng, anh B có đơn trình bày đồng ý để lại toàn bộ phần tài sản của anh B trong khối tài sản chung của vợ chồng cho hai con chung là Trần Thanh T và Trần Duy K, anh B chỉ đề nghị Tòa án giải quyết cho anh chị được ly hôn vì mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, không có khả năng đoàn tụ nên đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm xử cho anh B được ly hôn với chị H.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa phúc thẩm, Thẩm phán và Hội đồng xét xử tuân theo đúng các quy định Bộ luật Tố tụng dân sự; những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung kháng cáo: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, xét yêu cầu kháng cáo của bị đơn, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đây là vụ án về ly hôn theo quy định tại Khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án; tại phiên tòa nguyên đơn anh Trần Thanh B vắng mặt có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt nên căn cứ vào Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử phúc thẩm xử vắng mặt nguyên đơn.

- Về nội dung kháng cáo:

[2] Về quan hệ vợ chồng: Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và trình bày của các đương sự tại phiên tòa phúc thẩm khẳng định: Trong quá trình chung sống anh B và chị H đã phát sinh mâu thuẫn từ nhiều năm nay, nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn theo anh B là do tính cách và quan điểm sống không hợp nhau. Chị H và người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của chị H cho rằng mâu thuẫn vợ chồng phát sinh do anh B có quan hệ ngoại tình với người phụ nữ khác là vi phạm chế độ hôn nhân một vợ, một chồng, Chị H có cung cấp cho Tòa án tin nhắn được in ra từ điện thoại di động về việc nhắn tin giữa chị H và anh B, chị H và người phụ nữ tên là Dịu, anh B không thừa nhận việc có quan hệ ngoại tình với người phụ nữ khác như trình bày của chị H. Căn cứ vào nội dung các tin nhắn do chị H cung cấp không đủ căn cứ kết luận việc anh B có quan hệ ngoại tình với người phụ nữ tên Dịu nên người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của chị H khẳng định anh B vi phạm

chế độ hôn nhân một vợ, một chồng là chưa đủ cơ sở đồng thời thể hiện vợ chồng không tin tưởng nhau, mâu thuẫn vợ chồng đã kéo dài. Chị H không đồng ý ly hôn nhưng không đưa ra được biện pháp nào khắc phục mâu thuẫn vợ chồng, vợ chồng đã sống ly thân mỗi người một nơi từ năm 2015 đến nay, gia đình đã hòa giải nhưng mâu thuẫn vợ chồng không khắc phục được. Từ khi Tòa án thụ lý giải quyết vụ án (tháng 3 năm 2017) cho đến nay, Tòa án cấp sơ thẩm và Tòa án cấp phúc thẩm đã tạo điều kiện hòa giải cho vợ chồng đoàn tụ nhưng không thành. Như vậy, có thể khẳng định quan hệ hôn nhân của anh chị đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử cho anh, chị ly hôn là có căn cứ. Vì vậy, yêu cầu kháng cáo của chị H là không có cơ sở chấp nhận.

[3] Về chia tài sản chung của vợ chồng: Chị H kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm chia tài sản chung của vợ chồng nếu giải quyết cho chị và anh B được ly hôn; người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của chị H cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm không giải quyết chia tài sản chung của vợ chồng trong cùng vụ án ly hôn là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của chị H. Kết quả tranh tụng tại phiên tòa và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án thể hiện: Trong quá trình giải quyết tại cấp sơ thẩm chị H có ý kiến đề nghị được tự phân chia tài sản chung của vợ chồng. Sau khi nhận được quyết định đưa vụ án ra xét xử ngày 08-9-2017, chị H gửi cho Tòa án nhân dân quận Hồng Bàng văn bản đề ngày ngày 22-9-2017 có nội dung: “Nếu chúng tôi phải ly hôn thì xin quý tòa giúp tôi thỏa thuận phân chia tài sản tại phiên tòa xét xử sơ thẩm để đảm bảo quyền lợi cho tôi và các con”. Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của chị H cho rằng tại phiên tòa sơ thẩm, chị H yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng thì Hội đồng xét xử phải căn cứ Điều 259 Bộ luật Tố tụng dân sự tạm ngừng phiên tòa để xác minh, định giá... để giải quyết chia tài sản chung trong cùng vụ án mới đúng quy định của pháp luật, nhưng Tòa án cấp sơ thẩm đã không xem xét giải quyết là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng. Đối với nội dung kiến nghị này, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu chia tài sản chung của chị H là sau khi Tòa án mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ. Theo quy định tại khoản 3 Điều 200 Bộ luật Tố tụng dân sự thì “*Bị đơn có quyền đưa ra yêu cầu phản tố trước thời điểm mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải*”. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm không xem xét giải quyết yêu cầu chia tài sản chung của chị H trong vụ án này là đúng theo quy định của pháp luật. Trong quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án cấp phúc thẩm, anh Trần Thanh B có đơn trình bày đồng ý để lại toàn bộ phần tài sản của anh B trong khối tài sản chung của vợ chồng cho hai con chung là Trần Thanh T và Trần Duy K. Vì Tòa án cấp sơ thẩm chưa xem xét giải quyết về tài sản chung của vợ chồng nên Hội đồng xét xử

phức thẩm không xem xét giải quyết theo quy định tại Điều 293 Bộ luật Tố tụng dân sự: “*Tòa án cấp phúc thẩm chỉ xem xét lại phần của bản án sơ thẩm, quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm có kháng cáo, kháng nghị hoặc có liên quan đến việc xem xét nội dung kháng cáo, kháng nghị*”. Chị H có quyền làm đơn khởi kiện yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng bằng một vụ án khác, quan điểm về chia tài sản chung của anh B sẽ được Tòa án xem xét trong quá trình giải quyết vụ án chia tài sản chung vợ chồng. Từ những phân tích trên, yêu cầu kháng cáo của chị H và kiến nghị của người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của chị H là không có căn cứ chấp nhận.

[4] Về án phí: Do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận, nên chị Phạm Thị Thu H phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Căn cứ các điều 51, 56, 58, 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 26; khoản 1 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Xử:

1. Về quan hệ vợ chồng: Anh Trần Thanh B được ly hôn chị Phạm Thị Thu H.
2. Về con chung: Giao con chung Trần Duy K, sinh ngày 31 tháng 10 năm 2003 cho chị Phạm Thị Thu H trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Khoản tiền cấp dưỡng nuôi con chung sau khi ly hôn do chị H và anh B tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về tài sản chung: Không xem xét giải quyết.

4. Về án phí:

Án phí sơ thẩm: anh Trần Thanh B phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Anh B đã nộp đủ án phí theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2012/0009563 ngày 21 tháng 3 năm 2017 tại Chi cục thi hành án dân sự quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng.

Án phí phúc thẩm: Chị Phạm Thị Thu H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn phúc thẩm. Chị H đã nộp đủ án phí phúc thẩm theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0007617 ngày 27 tháng 11 năm 2017 tại Chi cục thi hành án dân sự quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND TP Hải Phòng;
- TAND Q. Hồng Bàng;
- Chi cục THADS Q. Hồng Bàng;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu: HS, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Phạm Đức Tuyên